

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA CÔNG NGHỆ MAY & THIẾT KẾ THỜI TRANG**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG**

Hà Nội, 2016



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	3
1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH CN Hà Nội.....	3
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chiến lược phát triển của Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang.....	8
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	8
3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM	10
4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.....	10
4.1. Thông tin tuyển sinh	10
4.2. Quy trình đào tạo	11
4.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	11
5. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	11
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	13
6.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa	13
6.2 Nội dung chương trình.....	14
6.3 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.	17
6.4 Thang điểm:	17
6.5 Sơ đồ tiến trình đào tạo.....	18
6.6 Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	19
7. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	38

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Cử nhân Thiết kế Thời trang
Tên chương trình (tiếng Anh):	Fashion Design
Mã ngành đào tạo:	52210404
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Cử nhân Thiết kế Thời trang
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	04 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Khoa quản lý CTĐT:	Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Công nghệ May & TKTT, đào tạo con người và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng, đáp ứng các nhu cầu xã hội trong lĩnh vực thời trang và dệt may.

1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH CN Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

1.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.1.2. *Sứ mạng*

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.1.3. *Mục tiêu chiến lược*

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên đạt các tiêu chí “Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội”;

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học bổng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chiến lược phát triển của Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang

2.2.1. Tầm nhìn

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ ứng dụng trong ngành dệt may và thời trang tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước

2.2.2. Sứ mạng

Khoa CNM&TKTT trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng đạt chuẩn quốc gia; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, doanh nghiệp và cộng đồng trong lĩnh vực Công nghệ dệt may, thiết kế thời trang và công nghệ vật liệu dệt may.

2.2.3. Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;
- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia và các tổ chức nghề nghiệp;
- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới chuẩn quốc tế;
- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;
- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;
- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;
- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;
- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo Thiết kế thời trang được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, để tiếp thu kiến thức, kỹ năng ngành Thiết kế Thời trang, khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, những vấn đề cấp bách của thời đại.

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học.

- Có kiến thức nền tảng về ngành Dệt – May - Thời trang, có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Thiết kế Thời trang.

- Có hiểu biết về Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử mỹ thuật Việt Nam, Lịch sử thời trang và trang phục các dân tộc Việt Nam.

- Hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về mỹ thuật vẽ: hình hoạ, bố cục trang trí, sử dụng màu sắc và chất liệu.

- Hiểu rõ tính chất của nguyên vật liệu may, so sánh được các loại vật liệu dệt - may

- Biết được nguyên lý, tính năng tác dụng các loại thiết bị máy móc trang bị trên dây chuyền may công nghiệp.

- Biết phương pháp thiết kế các dạng trang phục cơ bản và cao cấp: Quần áo sômi, váy, áo Jackét, áo dài, comple...

- Tiếp cận phương pháp thiết kế mẫu trên manơcanh, ứng dụng phần mềm thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính và phần thuộc lĩnh vực ngành May và Thiết kế thời trang.

- Vận dụng được kiến thức vào xây dựng quy trình công nghệ lắp ráp các loại sản phẩm may thời trang.

Kỹ năng:

- Tổng hợp, phân tích và đánh giá xu hướng thời trang trong nước và quốc tế ứng dụng vào lĩnh vực thiết kế thời trang.

- Có khả năng phân tích được giá trị ứng dụng và thẩm mỹ của trang phục.

- Sáng tác thời trang mang tính thẩm mỹ và ứng dụng cao phù hợp xu hướng thời trang.

- Độc lập thực hiện được bộ sưu tập mang tính ứng dụng và nghệ thuật theo các chủ đề.

- Thiết kế kỹ thuật và xây dựng quy trình công nghệ may các dạng sản phẩm.

- Sử dụng thành thạo phần mềm CAD trong ngành May và Thiết kế thời trang.

- Có khả năng quản lý, xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả để kinh doanh trong lĩnh vực thời trang.

- Có khả năng tổ chức chương trình trình diễn thời trang giới thiệu sản phẩm.

- Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

- Có khả năng đọc, hiểu các tài liệu kỹ thuật ngành may bằng Tiếng Anh.

Thái độ;

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, làm việc theo nhóm và độc lập.

- Có ý thức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học và ứng dụng sáng tạo nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc các trung tâm đào tạo chuyên ngành Thiết kế thời trang.

- Đảm nhiệm được công việc Chuyên gia thiết kế thời trang, nhà thiết kế trong các doanh nghiệp may - thời trang.

- Độc lập kinh doanh, quản lý điều hành công việc thiết kế mẫu và quá trình sản xuất sản phẩm.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại <http://tuyensinh.hau.edu.vn>.

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Phương thức tuyển sinh:

Tổ hợp xét tuyển: + Khối A00 (Toán, Vật Lý, Hóa Học)

+ Khối A01 (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh)

+ Khối D01 (Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh)

4.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 162 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 8 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

4.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thi được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất về Phòng Đào tạo, để trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Công nghệ May & TKTT hiện tại đang quản lý 21 phòng thực hành/ thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và

sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các bộ môn: Công nghệ May, Thiết kế thời trang, Công nghệ Vật liệu Dệt may.

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành xưởng may 1	B4-101
2	Phòng thực hành xưởng may 2	B4-102
3	Phòng thực hành xưởng may 3	B4-105
4	Phòng thực hành xưởng may 4	B4-202
5	Phòng thực hành xưởng may 5	B4-204
6	Phòng thực hành xưởng may 6	B4-205
7	Phòng thực hành xưởng may 7	B4-303
8	Phòng thực hành xưởng may 403	B4-403
9	Phòng thực hành thiết kế 401	B4-401
10	Phòng thực hành thiết kế 402	B4-402
11	Phòng thực hành thiết kế 404	B4-404
12	Phòng thực hành thiết kế 405	B4-405
13	Phòng thực hành thiết kế 502	B4-502
14	Phòng thực hành thiết kế 503	B4-503
15	Phòng thực hành thiết kế 505	B4-505
16	Phòng máy tính 1	B4-302
17	Phòng máy tính 2	B4-304
18	Phòng máy tính 3	B4-305
19	Phòng công nghệ cao	B4-301

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

6.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 162 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	TL/BTL/ ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	46	35,0	11	0,0	28,4
Kiến thức Cơ sở ngành	66	31,0	32,0	3,0	40,7
Kiến thức Chuyên ngành	21	2,0	16	3	13,0
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	9,3
Tổng cộng	162	76	70	16	100

6.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Bộ môn quản lý
			Tổng	LT	TH/ TN/Th L	TL/ BTL/ ĐA/ TT	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	46	35	11	0	
I.1		Các môn lý luận chính trị	10	10	0	0	
1	1203106	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0	0	
2	1203108	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	
3	1203101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	0	
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	30	30	0	0	
		Kiến thức bắt buộc	28	28	0	0	
1	403123	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	0	0	TKTT
2	403124	Lịch sử thời trang	2	2	0	0	TKTT
3	403122	Lịch sử mỹ thuật thế giới	2	2	0	0	TKTT
4	403173	Trang phục các dân tộc Việt Nam	2	2	0	0	TKTT
5	1203107	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	
		Ngoại ngữ	5	5	0	0	
1	1303127	Tiếng Anh cơ bản 1	5	5	0	0	
2	1303128	Tiếng Anh cơ bản 2	5	5	0	0	
3	1303142	Tiếng Anh 1	5	5	0	0	
4	1303143	Tiếng Anh 2	5	5	0	0	
5	1303144	Tiếng Anh 3	5	5	0	0	
1	1303187	Tiếng Anh May & TKTT	5	5	0	0	
		Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)	2	2	0	0	
1	1403118	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	0	TKTT
2	1203105	Mỹ học đại cương	2	2	0	0	
3	403131	Phương pháp nghiên cứu trong thiết kế thời trang	2	2	0	0	
4	1403133	Tâm lý học người tiêu dùng	2	2	0	0	
I.3		Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học	7	3	4	0	
		Kiến thức bắt buộc	5	3	2	0	
1	1003107	Toán cao cấp 1	3	3	0	0	
2	403177	Xử lý ảnh trên máy tính	2	0	2	0	TKTT

		Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)	2	0	2	0	
1	403113	Đồ họa thời trang	2	0	2	0	TKTT
2	403181	Xử lý đồ họa trên máy tính	2	0	2	0	TKTT
3	403178	Thiết kế TP trên máy tính	2	0	2	0	
I.4		Giáo dục thể chất	9	1	8	0	
1	903111	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	0	
2	903112	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	0	
5		Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 14 học phần).....	2	0	2	0	
I.5		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5	3	0	
1	903101	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2	0	0	
2	903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0	3	0	
3	903102	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	0	
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	102	33	48	21	
II.1		Kiến thức cơ sở	66	31	32	3	
II.1.1		Kiến thức cơ sở của khối ngành	20	10	10	0	
		Kiến thức bắt buộc	18	8	10	0	
1	1403103	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0	TKTT
2	403115	Hình họa 1	3	0	3	0	TKTT
3	403116	Hình họa 2	3	0	3	0	TKTT
4	403117	Hình họa màu	2	0	2	0	TKTT
5	403120	Ký họa	2	0	2	0	TKTT
6	403130	Nhân trắc học - Ergonomics	2	2	0	0	TKTT
7	403106	Cơ sở thẩm mỹ	3	3	0	0	TKTT
		Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2	2	0		
1	403125	Marketing thời trang	2	2	0	0	
2	403128	Nghiên cứu thị trường	2	2	0	0	
3	403137	Sinh thái và môi trường dệt may	2	2	0	0	
II.1.2		Kiến thức cơ sở của ngành	46	21	22	3	
		Kiến thức bắt buộc	41	19	22	0	
1	403140	Thiết bị may Công nghiệp	2	2	0	0	
2	403174	Vật liệu may	2	2	0	0	

3	403161	Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	2	0	2	0	
4	403118	Hình họa thời trang	3	0	3	0	TKTT
5	403107	Cơ sở thiết kế thời trang	2	2	0	0	TKTT
6	403105	Cơ sở tạo hình vật liệu thời trang	2	0	2	0	TKTT
7	403158	Thiết kế trang phục 1	3	3	0	0	
8	403159	Thiết kế trang phục 2	2	2	0	0	
9	403166	Thực hành Thiết kế trang phục 1	3	0	3	0	
10	403167	Thực hành Thiết kế trang phục 2	3	0	3	0	
11	403121	Kỹ thuật thêu và đính kết trang trí	2	0	2	0	TKTT
12	403101	Công nghệ may 1	3	3	0	0	
13	403102	Công nghệ may 2	3	3	0	0	
14	403163	Thực hành Công nghệ May 1	4	0	4	0	
15	403164	Thực hành Công nghệ May 2	3	0	3	0	
16	403189	Dự báo xu hướng thời trang					TKTT
		Kiến thức tự chọn (Chọn ít nhất 5TC trong các học phần sau)	5	0	2	3	
1	403176	Xây dựng kế hoạch truyền thông	2	2	0	0	
2	403179	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0	0	
3	403132	Quản lý chất lượng trang phục	2	2	0	0	
4	403103	Công nghệ may 3	3	3	0	0	
5	403169	Thực tập sản xuất	3	0	0	3	
II.2		Kiến thức chuyên ngành	21	2	16	3	
		Kiến thức bắt buộc	17	2	14	3	
1	403160	Thiết kế trang phục 3	2	0	2	0	
2	403146	Thiết kế thời trang 1	3	0	3	0	TKTT
3	403150	Thiết kế thời trang 2	2	0	2	0	TKTT
4	403151	Thiết kế thời trang 3	3	0	3	0	TKTT
5	403156	Thiết kế thời trang 8	2	0	2	0	TKTT
6	403157	Thiết kế thời trang 9	3	0	3	0	TKTT
7	403145	Thiết kế mẫu trên Manocanh	2	0	2	0	TKTT
8	403138	Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế kỹ thuật ngành may	2	2	0	0	

		Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)	2	0	2	0	
1	403152	Thiết kế thời trang 4	2	0	2	0	TKTT
2	403153	Thiết kế thời trang 5	2	0	2	0	TKTT
3	403154	Thiết kế thời trang 6	2	0	2	0	TKTT
4	403147	Thiết kế thời trang 10	2	0	2	0	TKTT
III		Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)	15	0	0	15	
III.1	403171	Thực tập tốt nghiệp (Ngành TKTT)	8	0	0	8	
III.2	403112	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Ngành TKTT)	7	0	0	7	
		Sinh viên không làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần sau:	7	2	5	0	
1	403119	Kinh doanh thời trang	2	2	0	0	TKTT
2	403134	Quản trị thương hiệu	2	2	2	0	TKTT
3	403155	Thiết kế thời trang 7	2	0	2	0	TKTT
4	403148	Thiết kế thời trang 11	2	0	2	0	TKTT
5	403149	Thiết kế thời trang 12	2	0	2	0	TKTT
6	403139	Tổ chức sự kiện Thời trang	2	0	2	0	TKTT
7	403141	Thiết kế chuyển đổi mẫu	2	0	2	0	TKTT
8	403172	Trang điểm và nhiếp ảnh	3	0	3	0	TKTT
		Tổng toàn khoá (Tín chỉ)	162	76	70	16	

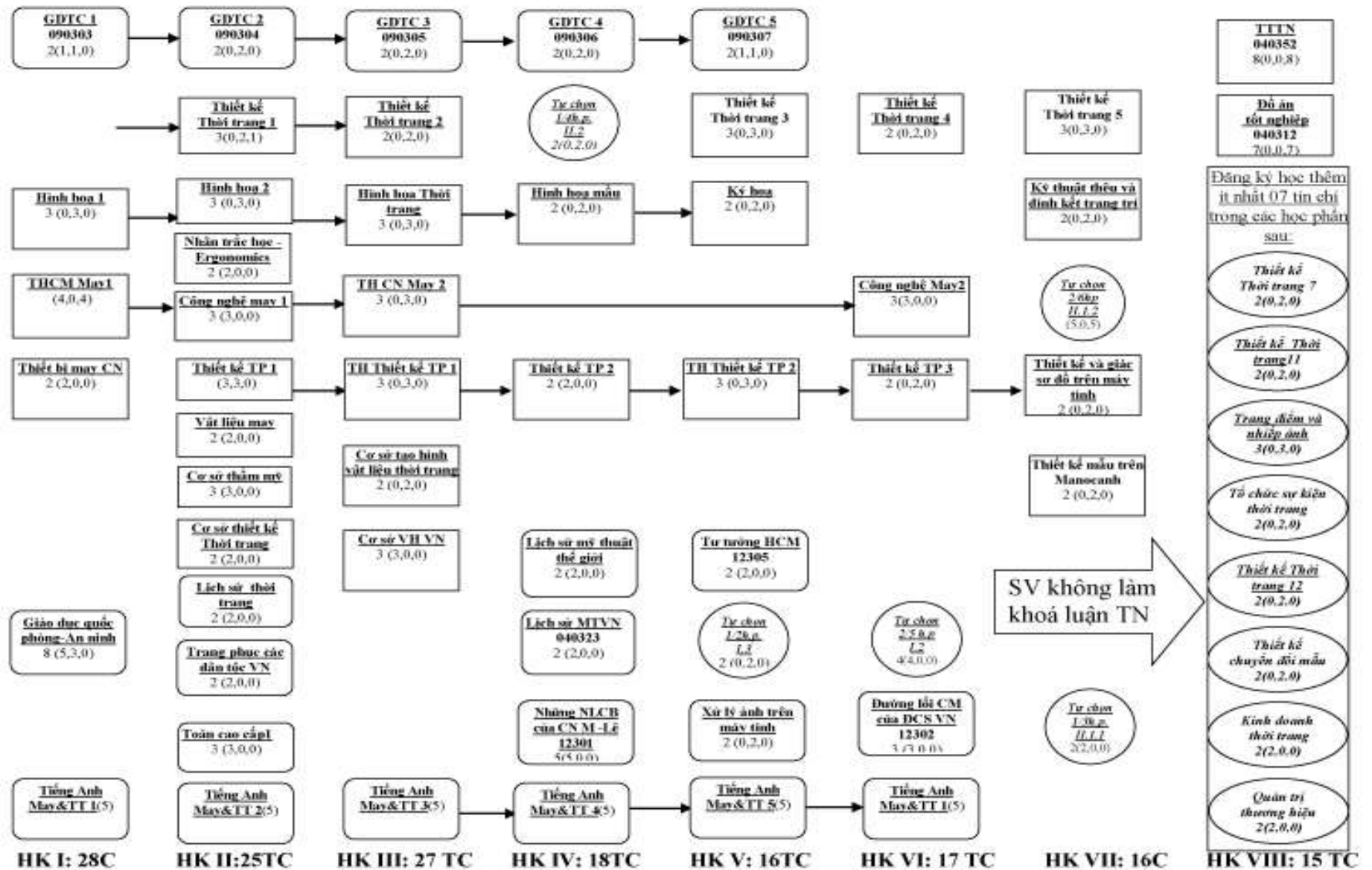
6.3 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.

Căn cứ vào quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Ban hành kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 02 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

6.4 Thang điểm:

Thang điểm chữ theo Quy chế kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHCN.

6.5 Sơ đồ tiến trình đào tạo



6.6 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

6.6.1. Lịch sử mỹ thuật Việt Nam 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Lịch sử mỹ thuật Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học.

Nội dung học phần bao gồm:

Nội dung đề cập đến tính lịch sử và các thành tựu về kiến trúc, điêu khắc và nghệ thuật của văn hoá Việt nam. Qua đó thấy được sự phát triển của mỹ thuật Việt nam qua các thời kỳ.

6.6.2. Lịch sử thời trang 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Lịch sử thời trang là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển thời trang trên thế giới từ thời Cổ Đại đến thời Hiện đại. Sự thay đổi về quan niệm thẩm mỹ, cũng như những tác động của nghệ thuật, chiến tranh tới sự ra đời của các loại hình trang phục.

Học phần giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển của trang phục Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước. Những trang phục đặc trưng như chiếc Yếm, Áo cánh, Áo dài truyền thống sẽ được giới thiệu và phân tích dưới góc độ của lịch sử.

6.6.3. Lịch sử mỹ thuật thế giới 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Lịch sử mỹ thuật thế giới là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết cơ bản về khái niệm văn Minh và các nền văn Minh trên thế giới (Các nền Văn minh của phương Đông, phương Tây thời cổ trung đại và nền văn minh công nghiệp thời hiện đại).

Nội dung của học phần đề cập tới điều kiện hình thành các nền văn minh (Địa lý, dân cư), sơ lược lịch sử các nền văn minh cổ trung đại (cấu trúc nhà nước, trình độ phát triển kinh tế và phân hoá xã hội..), các thành tựu chính của các nền văn Minh (chữ

viết, văn học, khoa học tự nhiên, giáo dục, nghệ thuật, các phát Minh kỹ thuật và tôn giáo..)

6.6.4. Trang phục các dân tộc Việt Nam 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang phục các dân tộc Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học.

Nội dung học phần bao gồm:

Giới thiệu về đặc điểm trang phục các dân tộc Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu được giá trị, nét đẹp trang phục truyền thống các dân tộc Việt Nam, nâng cao kỹ năng nhận biết, phân tích đặc điểm trang phục của các dân tộc, khai thác đưa vào ý tưởng sáng tác thời trang, từ đó có những ý tưởng sáng tạo, độc đáo kết hợp giữa nét truyền thống và hiện đại.

Nội dung đề cập tới đặc điểm trang phục nam, nữ của dân tộc Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam. Các đặc điểm về kiểu dáng, chất liệu, màu sắc, họa tiết hoa văn. Cách thêu, dệt và ý nghĩa sử dụng trang phục của các dân tộc Việt Nam (trang phục dân tộc nhóm Việt Mường, nhóm Tày Thái, nhóm Mông Dao, Nhóm Tạng Miến, các dân tộc miền núi phía Bắc, các dân tộc Tây Nguyên, dân tộc Chăm)

6.6.5. Lịch sử văn minh thế giới 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Lịch sử văn minh thế giới là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Giới thiệu về khái niệm văn minh và các nền văn minh trên thế giới (Các nền Văn minh của phương Đông, phương Tây thời cổ trung đại và nền văn minh công nghiệp thời hiện đại).

Nội dung đề cập tới điều kiện hình thành các nền văn minh (Địa lý, dân cư), sơ lược lịch sử các nền văn minh cổ trung đại (cấu trúc nhà nước, trình độ phát triển kinh tế và phân hoá xã hội..), các thành tựu chính của các nền văn minh (chữ viết, văn học, khoa học tự nhiên, giáo dục, nghệ thuật, các phát minh kỹ thuật và tôn giáo..)

6.6.6. Phương pháp nghiên cứu trong thiết kế thời trang 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Phương pháp nghiên cứu trong thiết kế thời trang là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về phương pháp tư duy và phương pháp luận khoa học; Quy trình và các bước nghiên cứu khoa học; Các phương pháp nghiên cứu khoa học; Cung cấp cách thức tiếp cận mới để giải quyết các vấn đề trong khoa học.

6.6.7. Toán cao cấp1 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức toán học bậc phổ thông trung học.

Toán cao cấp 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên tất cả các ngành học của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

- *Phần đại số*: Giới thiệu một số nội dung cơ bản của đại số tuyến tính như lý thuyết tập hợp; ma trận và các phép toán trên ma trận, định thức và các tính chất của định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector trên trường K; ánh xạ tuyến tính; dạng song tuyến tính và dạng toàn phương.

- *Phần giải tích*: Giới thiệu các kiến thức cơ bản của giải tích: Giới hạn, đạo hàm, phép tính vi phân và tích phân.

6.6.8. Xử lý ảnh trên máy tính 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Xử lý ảnh trên máy tính là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may, Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về các công cụ, lệnh chỉnh sửa, cắt ghép, thiết kế hình ảnh và thủ thuật; Ứng dụng trong lĩnh vực thiết kế và sáng tác mẫu trong chuyên ngành học thời trang.

6.6.9. Đồ họa thời trang 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Đồ họa thời trang là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Là học phần sử dụng phần mềm ILLUSTRATOR hỗ trợ sáng tác thời trang trên máy tính một cách hiệu quả và linh hoạt, tiết kiệm tối đa thời gian, kinh phí trong các

công đoạn chế thử.

Học phần hướng dẫn cho sinh viên các thao tác cơ bản dùng để vẽ trên máy tính; Phương pháp thiết kế tạo dáng người mẫu, sáng tác trang phục, lựa chọn nguyên phụ liệu và phương án màu phù hợp với kiểu dáng trang phục trên người mẫu. Thiết kế poster quảng cáo cho bộ sưu tập thời trang.

6.6.10. Xử lý đồ họa trên máy tính 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Xử lý đồ họa trên máy tính là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức đại cương, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Giới thiệu chung về các lệnh thiết kế của phần mềm Corel Draw; ứng dụng thiết kế đồ họa trong sản phẩm may mặc. Học phần cung cấp kỹ năng sử dụng các công cụ vẽ bản vẽ và vẽ phối cảnh cho sản phẩm may.

6.6.11. Cơ sở văn hóa Việt Nam 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp các khái niệm về văn hóa và văn hóa học làm nền tảng cho việc xem xét các đặc trưng của văn hóa Việt Nam, qua đó thấy được các quy luật hình thành và phát triển của nó. Bên cạnh đó cần xác định được thế nào là văn hóa Việt Nam bao gồm: loại hình, chủ thể, không gian và thời gian của văn hóa Việt Nam. Ảnh hưởng của văn hóa các khu vực: Trung Quốc, Ấn Độ, Phương Tây với Việt Nam.

6.6.12. Hình họa 1 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Nhân trắc học – ECGONOMI

Hình họa 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần nghiên cứu các khối cơ bản (nghiên cứu các khối hình cơ bản: Khối hộp, khối trụ, khối cầu, chóp và các hình khối biến thể). Phương pháp vẽ đầu tượng nam, nữ thanh niên và tượng bán thân nam, nữ thanh niên.

6.6.13. Hình họa 2 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Hình họa 1

Hình họa 2 là học phần bắt bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần rèn luyện kỹ năng vẽ chân dung người bằng đầu tượng thạch cao. Nghiên cứu cấu trúc cơ thể người theo tỷ lệ thật, hệ xương và hệ cơ trên tượng bán thân và tượng toàn thân. Phương pháp vẽ tượng bán thân và tượng toàn thân bằng chất liệu thạch cao.

6.6.14. Hình họa màu 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Hình họa 2

Hình họa màu là học phần bắt bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về tương quan của màu sắc trong tự nhiên, phân tích mẫu và thể hiện tương quan của mẫu trên bài vẽ; phương pháp vẽ hình họa màu; ứng dụng thể hiện màu sắc linh hoạt trong bài tập thực hành.

6.6.15. Ký họa 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Hình họa màu.

Ký họa là học phần bắt bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ký họa và những khái niệm liên quan như tốc họa, ký họa chì và ký họa màu, cách điệu, biểu tượng... Học phần cung cấp cho sinh viên những phương pháp và kỹ năng vẽ ký họa chì, ký họa màu và cách điệu, sắp xếp tạo bố cục trang trí màu.

6.6.16. Nhân trắc học – ERGONOMI 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nhân trắc học – ERGONOMI là học phần bắt bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về khái niệm, ý nghĩa, mục đích của việc nghiên cứu Ergonomi. Ứng dụng Ergonomi trong đời sống. Nghiên cứu đặc điểm sinh lý của con người trong hoạt động lao động, đưa ra những chế độ lao động, nghỉ ngơi hợp lý với người lao động. Nghiên cứu nhân trắc học Ergonomi, tìm ra một số nguyên tắc sử

dụng số liệu nhân trắc học trong thiết kế. Qua đó vận dụng Ecgonomi màu sắc, chiều sáng vào trong Ecgonomi thiết kế sản phẩm.

6.6.17. Cơ sở thẩm mỹ 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Cơ sở thẩm mỹ là một môn khoa học nghiên cứu về cái đẹp, thông qua các yếu tố tạo hình mỹ thuật (như đường nét, màu sắc, hình khối...) nhằm chuyển hóa vẻ đẹp từ thiên nhiên sang một hình thức mới có giá trị nghệ thuật.

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản: nguyên tắc tạo hình mỹ thuật, phương pháp bố cục, cách điệu, phối màu sắc, tả chất liệu... Ngoài ra giáo trình bổ sung thêm hệ thống bài tập ứng dụng để tạo ra các sản phẩm có giá trị nghệ thuật.

6.6.18. Marketing thời trang 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Marketing thời trang là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về Marketing cũng như quá trình phát triển của marketing và các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing giúp sinh viên hiểu về hành vi mua sắm, sử dụng sản phẩm cũng như nhu cầu của khách hàng.

Cung cấp khái niệm và đặc điểm về thị trường mục tiêu, các phương pháp lựa chọn thị trường mục tiêu, chính sách sản phẩm, chính sách giá cả, chính sách phân phối và chính sách xúc tiến yểm trợ bán hàng. Từ đó áp dụng các chính sách marketing vào sản xuất và kinh doanh hàng may mặc.

6.6.19. Nghiên cứu thị trường 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nghiên cứu thị trường là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về nghiên cứu thị trường. Giới thiệu chung về phương pháp nghiên cứu thị trường và các bước thực hiện trong quá trình nghiên cứu thị trường.

6.6.20. Sinh thái và môi trường dệt may 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh thái và môi trường dệt may là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở của khối ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về môi trường nói chung và môi trường dệt may, từ đó có thể đưa ra những giải pháp sản xuất sạch hơn để cải thiện môi trường. Giúp sinh viên hiểu được một số khái niệm về sinh thái để có kiến thức lựa chọn những sản phẩm sinh thái trong quá trình sử dụng không gây tác hại cho sức khỏe con người.

6.6.21. Thiết bị may công nghiệp 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Thiết bị may công nghiệp là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giúp sinh viên nắm được các loại trang thiết bị ngành may, các dạng mũi may cơ bản được sử dụng trong các thiết bị may công nghiệp, hiểu được quy trình tạo mũi may, nắm được các chức năng cấu tạo và nguyên lý của một số cơ cấu và hệ thống của máy may. Sinh viên biết cách điều chỉnh một số bộ phận, hiểu nguyên nhân và sửa chữa những trục trặc thông thường. Ngoài ra sinh viên còn biết sử dụng một số máy may chuyên dùng trên chuyên may.

6.6.22. Vật liệu may 2(2,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Là kiến thức bắt buộc của cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- + Nguồn gốc và tính chất của nguyên liệu dệt,
- + Cấu trúc ,tính chất, phân loại, phạm vi sử dụng một số loại vải
- + Đặc tính kỹ thuật của một số phụ liệu may phục vụ cho việc thiết kế, gia công sản phẩm may.

Thông qua chương trình học sinh viên có khả năng phân biệt được một số loại nguyên phụ liệu, sinh viên cần hiểu rõ bản chất nguyên phụ liệu để lựa chọn phù hợp với sản phẩm thiết kế và quá trình sản xuất.

6.6.23. Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Thực hành Thiết kế trang phục 2

Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống thiết kế với sự trợ giúp của máy tính để thiết kế, nháy mẫu, giác sơ đồ và xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu cho các loại sản phẩm may mặc phục vụ cho sản xuất ngành công nghiệp may – TT

6.6.24. Hình họa thời trang 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: 0

Học phần Hình họa thời trang cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng vẽ minh họa thời trang, cụ thể như sau:

- Phương pháp vẽ hình dáng cơ thể người mẫu thời trang dựa trên đặc điểm cấu trúc cơ thể người thực.
- Phương pháp diễn tả nếp nhăn, bề mặt các chất liệu vải cơ bản trong thời trang nói chung và các trạng thái của chất liệu vải trên cơ thể người mẫu nói riêng. Ngoài ra còn cung cấp phương pháp vẽ các phụ kiện thời trang như túi xách, giày, dép, mũ...

Khi học xong, sinh viên có kỹ năng vẽ minh họa, thể hiện ý tưởng thiết kế thời trang thông qua những mẫu vẽ thiết kế, đúng tỷ lệ và có hiệu quả thẩm mỹ..

6.6.25. Cơ sở thiết kế thời trang 2 (2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Cơ sở sáng tác thời trang là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thiết kế thời trang, những khái niệm liên quan, và đặc trưng về các phong cách thời trang trong nước và trên thế giới.

Học phần giới thiệu phương pháp vẽ dựng dáng người mẫu trong thiết kế thời trang và những kỹ năng cơ bản về vẽ diễn tả màu sắc của trang phục cũng như các chất liệu vải khác nhau. Ngoài ra học phần còn cung cấp về các phương pháp tạo hình cũng như xây dựng ý tưởng thiết kế thời trang.

6.6.26. Cơ sở tạo hình vật liệu trong thời trang 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở thẩm mỹ, vật liệu may

Cơ sở tạo hình vật liệu thời trang là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học.

Học phần giới thiệu và cung cấp các kiến thức cơ bản về các phương pháp tạo hình thủ công (nền tảng cho tạo hình công nghiệp) trên trang phục như phương pháp chắp ghép mảng, điều khắc vải, tạo khối, đính kết..., thông qua các nguyên tắc và phương pháp tạo hình căn bản sinh viên có thể áp dụng trong chuyên ngành thiết kế thời trang (quá trình sáng tác thời trang và thiết kế trang phục)

6.6.27. Thiết kế trang phục 1 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Vật liệu may

Thiết kế trang phục 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về: hình dáng, cấu trúc và xây dựng lượng cử động cho trang phục; phương pháp thiết kế trang phục nam nữ cơ bản; phương pháp thiết kế biến kiểu trang phục và phương pháp nhảy cỡ các dạng trang phục.

6.6.28. Thiết kế trang phục 2 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết : Thực hành thiết kế trang phục 1

Thiết kế trang phục 2 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế áo Jacket, áo Vest, áo măng tô nam, nữ, phương pháp nhảy mẫu cỡ vóc, phân tích nguyên nhân sai hỏng trong thiết kế và biện pháp chỉnh sửa trang phục.

6.6.29. Thực hành thiết kế trang phục 1 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục 1

Thực hành thiết kế trang phục 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần trang bị cho sinh viên về kỹ năng thiết kế thiết kế các dạng trang phục cơ bản, biến kiểu, kỹ năng nhảy mẫu, thiết kế mẫu cứng các sản phẩm áo và quần; đồng thời may mẫu, chỉnh sửa hoàn thiện mẫu quần áo biến kiểu.

6.6.30. Thực hành thiết kế trang phục 2 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục 2

Thực hành thiết kế trang phục 2 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng thiết kế áo Jacket, áo Vest, áo măng tô nam, nữ; đồng thời chế thử sản phẩm áo Vest nữ, từ đó chỉnh sửa hoàn thiện bộ mẫu áo Vest. Phương pháp xây dựng bộ mẫu cỡ trung bình, phương pháp nhảy mẫu cỡ vóc. Thông qua chương trình học sinh viên có khả năng thiết kế và thử sửa những sản phẩm biến kiểu.

6.6.31. Kỹ thuật thêu và đính kết trang trí 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở thẩm mỹ, Hình họa 1,2.

Kỹ thuật thêu và đính kết trang trí là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thêu và đính kết trang trí trang phục. Kỹ năng và phương pháp vẽ họa tiết trang trí và cách thể hiện mẫu trang trí bằng các chất liệu khác nhau như bằng hạt cườm, thêu, vẽ màu, in màu. Ngoài ra học phần còn giới thiệu về cách thể hiện những mẫu trang trí qua các phương pháp khác nhau như phương pháp thể hiện thủ công và phương pháp thể hiện bằng máy móc công nghiệp.

6.6.32. Công nghệ may 1 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết bị may công nghiệp, Vật liệu may.

Công nghệ may 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ May & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật may tay và may máy, phương pháp may các bộ phận chủ yếu của quần áo. Tạo cho sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và khả năng nghiên cứu tài liệu cho sản xuất.

6.6.33. Công nghệ may 2 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ may 1

Công nghệ may 2 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ May & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp những kiến thức về lắp ráp sản phẩm, qui chuẩn gia công, phân tích qui trình may và xây dựng phiếu công nghệ để gia công sản phẩm may mặc

hoàn chỉnh và khoa học. Phương pháp cân đối, tổ chức và điều hành dây chuyền may trong thực tế sản xuất.

6.6.34. Thực hành công nghệ may 1 4(0,4,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết bị may công nghiệp

Thực hành công nghệ may 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ May & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Trang bị cho sinh viên có kỹ năng cơ bản về những đường may máy, biết vận dụng thành thạo các đường may cơ bản để lắp ráp các bộ phận chủ yếu của trang phục. Biết cách khắc phục và chỉnh sửa một số sai hỏng xảy ra trong khi may.

6.6.35. Thực hành công nghệ may 2 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thực hành công nghệ may 1

Thực hành công nghệ may 2 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ May & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Trang bị cho sinh viên có những kỹ năng về phương pháp lắp ráp quần, áo sơ mi nam, nữ cơ bản, biết cách xử lý các tình huống trong khi may để hạn chế tối đa các sai hỏng thường thường gặp.

6.6.36. Xây dựng kế hoạch truyền thông 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Xây dựng kế hoạch truyền thông là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Cung cấp cho người học tư duy hệ thống và tư duy phân tích: Tổng hợp thông tin, xác định bối cảnh của khách hàng, tổng quan thị trường, đưa ra các nhận định và từ đó phân tích để định ra các mục tiêu các chiến lược; Tư duy chiến lược và tư duy sáng tạo: Xác định phương thức và hình thức thực hiện phù hợp với mục tiêu chiến lược; Tư duy thực tế: Đề xuất các hạng mục thực hiện và chi phí. Dự đoán các rủi ro tiềm ẩn của kế hoạch truyền thông và đưa ra các chỉ số đo lường để đánh giá mức độ thành công của chương trình.

6.6.37. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ may 1,2; Thực hành công nghệ may 1,2.

Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ May & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hoàn thiện sản phẩm dệt, sản phẩm may, hướng dẫn đọc và sử dụng các biểu tượng giặt là thông thường. Ảnh hưởng của các loại hoá chất đối với sản phẩm may mặc cũng như những tính chất của chúng dưới tác động của môi trường bên ngoài.

6.6.38. Quản lý chất lượng trang phục 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ may 1,2; Thực hành công nghệ may 1,2.

Quản lý chất lượng trang phục là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học cung cấp cho sinh viên một số khái niệm về chất lượng sản phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm, các thuật ngữ về quản lý chất lượng. Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và việc vận dụng chúng vào thực tế quá trình sản xuất may công nghiệp.

6.6.39. Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế kỹ thuật ngành may 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ may 1,2; Thực hành công nghệ may 1,2; Thiết kế trang phục 1,2.

Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế kỹ thuật ngành may là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp sinh viên những nội dung cơ bản của tổ chức sản xuất và định mức kỹ thuật ngành May: các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, phân công lao động, hiệp tác lao động, chỗ làm việc, định mức kinh tế kỹ thuật ngành may.

Phương pháp tổ chức và tính toán định mức kinh tế kỹ thuật cho các công đoạn trong ngành may.

6.6.40. Công nghệ may 3 3(3,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ may 1,2; Thực hành công nghệ may 1,2; Thiết kế trang phục 1,2.

Công nghệ may 3 là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Khái quát về công nghệ sản xuất hàng may mặc trong may công nghiệp: đặc điểm, cấu trúc, điều kiện, các mô hình sản xuất hàng may mặc trong may công nghiệp.

Chức năng, nhiệm vụ, qui trình công nghệ, nội dung công việc các công đoạn: chuẩn bị vật tư; chuẩn bị kỹ thuật; trải, cắt vải; may; hoàn tất sản phẩm

6.6.41. Thực tập sản xuất 3(0,0,3)

Điều kiện tiên quyết: Thực hành công nghệ may 1,2.

Thực tập sản xuất là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần yêu cầu sinh viên tham gia trực tiếp vào các công đoạn của dây chuyền sản xuất, quan sát mọi hoạt động về phương pháp dải chuyền, tổ chức quản lý và điều hành chuyền; Phát hiện những sự cố, cách giải quyết những vấn đề phát sinh ở tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất; Phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm. Giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành, đồng thời rút ra những kinh nghiệm và bài học cần thiết trong quá trình làm việc sau khi ra trường

6.6.42. Thiết kế trang phục 3 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Thực hành Thiết kế trang phục 1,2; Thực hành công nghệ may 1,2.

Thiết kế trang phục 3 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Công nghệ may & Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Trang bị cho sinh viên kỹ năng thiết kế phục truyền thống: áo bà ba, áo dài và áo dài biến kiểu. Chế thử sản phẩm áo dài truyền thống và áo dài biến kiểu, từ đó chỉnh sửa hoàn thiện bộ mẫu thiết kế. Thông qua chương trình học sinh viên có khả năng phát triển mẫu mới từ trang phục truyền thống.

6.6.43. Thiết kế thời trang 1 3(0,2,1)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở thiết kế thời trang.

Thiết kế thời trang 1 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về thời trang trẻ em; Cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản trong sáng tác thời trang, những nguyên tắc, quy luật sử dụng đường nét,

hình khối và màu sắc trong thời trang. Ngoài ra học phần cung cấp những phương pháp và kỹ năng thể hiện bộ sưu tập thời trang.

6.6.44. Thiết kế thời trang 2 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở Thiết kế thời trang, LSTT, CSTM, HH 2.

Thiết kế thời trang 2 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về Sáng tác thời trang xuân hè; cung cấp những kiến thức cơ bản trong sáng tác thời trang xuân hè, cách sử dụng đường nét, hình khối và màu sắc trong thiết kế thời trang. Ngoài ra học phần còn cung cấp những kiến thức về phương pháp, kỹ năng thể hiện bộ sưu tập thời trang. Thiết kế áp phích quảng cáo, lựa chọn chất liệu vải may mẫu.

6.6.45. Thiết kế thời trang 3 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở Thiết kế thời trang, .

Thiết kế thời trang 3 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu xu hướng thời trang dạ hội trong nước và quốc tế. Qua đó, từ những cảm hứng của mình sinh viên đưa ra những ý tưởng và thể hiện bộ sưu tập dạ hội cho đối tượng cụ thể.

Trang bị cho sinh viên cách lựa chọn chất liệu, nguyên phụ liệu và rèn luyện kỹ năng thể hiện mẫu trang phục dạ hội mang tính nghệ thuật ứng dụng.

6.6.46. Thiết kế thời trang 8 3(0,2,1)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Thiết kế thời trang 8 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng:

- Nghiên cứu về trang phục Công sở.
- Nghiên cứu lựa chọn ý tưởng để xây dựng đề tài.
- Giới thiệu các quy trình trong sáng tác thời trang Công sở. Gồm xây dựng biểu tượng, phương án màu bộ sưu tập, thể hiện mẫu vẽ.
- Chọn mẫu đặc trưng để lựa chọn chất liệu, thiết kế, cắt, may 3 mẫu.

- Trình diễn mẫu, nhận xét ưu nhược điểm

6.6.47. Thiết kế thời trang 9 3(0,2,1)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Thiết kế thời trang 9 là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sáng tác thời trang ấn tượng và những khái niệm liên quan. Phương pháp nghiên cứu xu hướng mốt (xu hướng màu, xu hướng chất liệu, kiểu dáng, họa tiết) trên thế giới.

Học phần trang bị phương pháp sáng tác mẫu thời trang ấn tượng và kỹ năng thể hiện mẫu bằng màu sắc cũng như cách thể hiện mẫu vật bằng chất liệu vải. Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp phương pháp xây dựng ý tưởng và vẽ poster quảng cáo cho bộ sưu tập.

6.6.48. Thiết kế mẫu trên Manocanh 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở sáng tác thời trang; Thiết kế trang phục 1,2.

Thiết kế mẫu trên Manocanh là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp thiết kế mẫu thời trang trên manocanh, thiết kế mẫu căn bản trên manocanh từ bao nilon. Thiết kế mẫu trên manocanh từ bao nilon và chuyển sang mẫu giấy. Thiết kế mẫu căn bản trên manocanh từ vải mộc. Nội dung học phần đề cập đến kiểu dáng, chất liệu, màu sắc, mảng, phù hợp với từng đối tượng, chủ đề của từng bài tập.

6.6.49. Thiết kế thời trang 4 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Thiết kế thời trang 4 là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức sáng tác mẫu đồng phục.

- Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của đồng phục.
- Nghiên cứu đối tượng, lựa chọn ý tưởng để xây dựng đề tài.
- Giới thiệu các quy trình trong sáng tác mẫu đồng phục. Gồm xây dựng biểu tượng, phương án màu bộ sưu tập, thể hiện mẫu vẽ.

- Chọn mẫu đặc trưng để lựa chọn chất liệu, thiết kế, cắt, may 1 bộ đồng phục.
- Trình diễn mẫu, nhận xét ưu nhược điểm

6.6.50. Thiết kế thời trang 5 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở thiết kế thời trang

Thiết kế thời trang 5 là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Giới thiệu về trang phục thời trang thu đông (thể loại, kiểu dáng, chất liệu, màu sắc, xu hướng, phong cách), các kỹ năng; tìm chọn ý tưởng sáng tác, xây dựng biểu tượng, phác thảo seri mẫu trang phục thu đông.

Nội dung đề cập đến các đặc điểm cơ bản của trang phục thu đông (thể loại, kiểu dáng, chất liệu, màu sắc), các xu hướng và phong cách thời trang thu đông của Việt Nam và thế giới và các bài tập thực hành nghiên cứu sáng tác mẫu thời trang thu đông (tìm chọn ý tưởng, xây dựng biểu tượng, nghiên cứu xu hướng thời trang, xây dựng hình bóng kết cấu mẫu trang phục, phác thảo seri mẫu thời trang thu đông, chọn chất liệu, thiết kế và may mẫu vật)

Các bài tập thực hành trên được tổng hợp đánh giá dưới hình thức bài tập lớn.

6.6.51. Thiết kế thời trang 6 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở thiết kế thời trang.

Thiết kế thời trang 6 là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Giới thiệu chung về Sáng tác trang sức; Cung cấp những kiến thức cơ bản trong thiết kế đồ trang sức nói chung và trang trí nghệ thuật nói riêng, phương pháp chế tác đồ trang sức và ứng dụng phù hợp với đối tượng sử dụng.

6.6.52. Thiết kế thời trang 10 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở sáng tác thời trang; Thiết kế thời trang 1, 2, 3.

Thiết kế thời trang 10 là học phần tự chọn, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về Sáng tác thời trang giày dép; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức thiết kế cơ bản của sáng tác thời trang giày dép, phương pháp thể hiện mẫu, sử dụng chất liệu có sẵn kết hợp các mảng, chi tiết để thiết kế ra bộ sưu tập

thời trang giày dép, thiết kế áp phích quảng cáo, sản phẩm phù hợp với từng đối tượng và nơi sử dụng.

Nội dung học phần đề cập đến kiểu dáng, chất liệu, màu sắc, các xu hướng và phong cách thời trang giày dép của Việt Nam và thế giới.

Các bài tập thực hành trên được tổng hợp đánh giá dưới hình thức bài tập lớn.

6.6.53. Thực tập tốt nghiệp (ngành TKTT) 8(0,0,8)

Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tế tại doanh nghiệp. Kết quả đợt thực tập được thể hiện thông qua báo cáo về các nội dung:

- Thông tin về doanh nghiệp hoặc cơ sở nơi thực tập.
- Mô tả về nội dung, phương pháp thực hiện và yêu cầu của công việc được giao trong quá trình thực tập.
- Kết quả đạt được trong quá trình thực tập.
- Kết luận, nhận xét và đánh giá ưu nhược điểm của doanh nghiệp về các hoạt động trong phạm vi liên quan đến nội dung sinh viên thực tập.

6.6.54. Đồ án /khóa luận tốt nghiệp (ngành TKTT) 7(0,0,7)

Điều kiện tiên quyết: Tích lũy 155 tín chỉ trở lên. Kết quả học tập đạt loại khá trở lên.

Đồ án /khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

- Nghiên cứu: Lịch sử văn hoá thời trang, xu hướng thời trang trong nước, Quốc tế qua đó hình thành ý tưởng sáng tác cho bộ sưu tập
- Sáng tác bộ sưu tập thời trang nam nữ (không giới hạn lứa tuổi, nghề nghiệp)
- Bộ sưu tập mang tính ứng dụng hiện đại và kế thừa bản sắc truyền thống văn hoá dân tộc
- Thể hiện bộ sưu tập bằng mẫu thật (Từ 3 mẫu trở lên)

6.6.55. Kinh doanh thời trang 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Marketing thời trang

Kinh doanh thời trang là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về một thời trang và dự đoán xu hướng thời trang; Kiến thức về quản lý kinh tế nói chung và quản lý kinh doanh thời trang nói riêng; Kiến thức về tổ chức sản xuất và tiếp thị thời trang.

6.6.56. Quản trị thương hiệu 2(2,0,0)

Điều kiện tiên quyết: Marketing thời trang; Kinh doanh thời trang.

Quản trị thương hiệu là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề như khái niệm về thương hiệu, vai trò chức năng của thương hiệu, các mô hình, chiến lược thương hiệu; thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống trong phát triển thương hiệu.

6.6.57. Thiết kế thời trang 7 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Hình họa thời trang, Cơ sở sáng tác thời trang, Sáng tác thời trang trẻ em.

Thiết kế thời trang 7 là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về Sáng tác thời trang mặc lót; cung cấp những kiến thức cơ bản trong sáng tác thời trang mặc lót. Cách sử dụng đường nét, hình khối và màu sắc trong thiết kế thời trang. Ngoài ra còn cung cấp những kiến thức về phương pháp, kỹ năng thể hiện bộ sưu tập thời trang mặc lót. Thiết kế áp phích quảng cáo, lựa chọn chất liệu vải may mẫu.

6.6.58. Thiết kế thời trang 11 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở sáng tác thời trang; Thiết kế thời trang 1, 2, 3.

Thiết kế thời trang 11 là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về Sáng tác thời trang mũ; Cung cấp những kiến thức thiết kế cơ bản của sáng tác thời mũ, phương pháp thể hiện mẫu, kỹ thuật và sáng tạo

thiết kế ra bộ sưu tập thời trang mũ, thiết kế áp phích quảng cáo, sản phẩm phù hợp với từng đối tượng và nơi sử dụng.

Nội dung học phần đề cập đến kiểu dáng, chất liệu, màu sắc, các xu hướng và phong cách thời trang mũ của Việt Nam và thế giới.

Các bài tập thực hành trên được tổng hợp đánh giá dưới hình thức bài tập lớn.

6.6.59. Thiết kế thời trang 12 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở sáng tác thời trang; Thiết kế thời trang 1, 2, 3.

Thiết kế thời trang 12 là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu chung về Sáng tác thời trang túi xách; Cung cấp những kiến thức thiết kế cơ bản của sáng tác thời trang túi, sử dụng các mảng kết hợp với kỹ thuật và chất liệu để thiết kế ra bộ sưu tập thời trang túi xách. Kỹ năng thể hiện mẫu, thiết kế áp phích quảng cáo, sản phẩm có tính ứng dụng cao trong cuộc sống.

Nội dung học phần đề cập đến kiểu dáng, chất liệu, màu sắc, các xu hướng và phong cách thời trang túi của Việt Nam và thế giới.

Các bài tập thực hành trên được tổng hợp đánh giá dưới hình thức bài tập lớn.

6.6.60. Tổ chức sự kiện thời trang 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế thời trang 1, 2.

Tổ chức sự kiện thời trang là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần giới thiệu về thủ tục, quy trình tổ chức sự kiện thời trang; Kỹ năng chuẩn bị các kịch bản: MC, người mẫu, âm thanh, ánh sáng...; Kỹ năng phối hợp và điều tiết các hoạt động trong quá trình tổ chức sự kiện.

6.6.61. Thiết kế chuyên đổi mẫu 2(0,2,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế thời trang 1, 2, 3.

Thiết kế chuyên đổi mẫu là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần nghiên cứu mẫu để xây dựng bộ mẫu mới mang tính chất mới lạ, đặc sắc và gây được ấn tượng độc đáo.

Học phần còn giúp cho sinh viên có được những kiến thức công nghệ để tạo mẫu 3D nhằm nâng cao nghệ thuật cũng như sự sáng tạo trong thiết kế thời trang để đáp ứng với nhu cầu của xã hội ngày càng phát triển

6.6.62. Trang điểm và nhiếp ảnh 3(0,3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế thời trang 1, 2, 3.

Trang điểm và nhiếp ảnh là học phần tự chọn thay thế Đồ án /khóa luận tốt nghiệp, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, dành cho sinh viên ngành Thiết kế Thời trang của hệ Cao đẳng và Đại học. Nội dung học phần bao gồm:

Học phần tích hợp 2 kỹ năng, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng trang điểm theo chủ đề thời trang và kỹ thuật quần một số kiểu tóc cơ bản. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tạo dáng người mẫu trong quảng cáo sản phẩm thời trang. Học phần cũng trang bị cho sinh viên về kỹ thuật chụp ảnh và nghệ thuật tạo dáng.

7. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Bồng